

Logistics Vicem) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam).

- Ngày 07/4/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Logistics Vicem được tiến hành, đã thông qua “Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

- Ngày 24/4/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.

- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 6 năm 2007 cho Công ty với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 4 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.

- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 8 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.

- Cấp thay đổi lần sáu vào ngày 01/12/2015, tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 131.040.000.000 đồng.

- Cấp thay đổi lần 10 vào ngày 01/7/2020, đổi tên Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên thành Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

1.3. Niêm yết

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Logistics Vicem. Tiếp theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Tp HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp HCM đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

- Ngày 14/9/2015 UBCKNN có thông báo chấp thuận cho Công ty được phát hành 3.024.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Ngày 05/11/2015 Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM có thông báo số 1086/TB- SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 3.024.000 cổ phần phát hành.

2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Logistics Vicem ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho khách hàng lớn như Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên, ...Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển

Là một trong những nhà giao nhận vận tải hàng đầu, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa bằng đường thủy đa dạng với chất lượng tốt nhất, với phương châm “An toàn, chất lượng, dịch vụ hoàn hảo”. Chúng tôi luôn tâm niệm sự thành công của Quý khách hàng chính là động lực và cơ hội để chúng tôi phát triển. Do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Chiến lược phát triển Công ty tới năm 2025 và định hướng đến năm 2030 sau:

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ để giữ vững thị trường, thị phần trên những tuyến vận tải thủy, vận tải đường bộ truyền thống.
- Đa dạng hóa nguồn hàng; phát triển thêm khách hàng và mặt hàng mới.
- Tiếp tục phát triển, mở rộng Kinh doanh vận tải biển, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải biển phục vụ khách hàng.
- Xúc tiến nghiên cứu thị trường, tìm nguồn hàng mới trên tuyến Bắc – Nam.
- Xây dựng chính sách giá cước, chính sách hậu mãi hợp lý để giữ khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới.
- Chuẩn bị nguồn hàng phát triển đội tàu vận tải sông biển sau năm 2025.
- Tiếp tục phát triển hơn nữa kinh doanh dịch vụ xếp dỡ đá Puzoland, clinker, thạch cao, ...Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, có chính sách hậu mãi hợp lý để giữ chân khách hàng và mở rộng thị trường.
- Làm việc và hợp tác chặt chẽ với các cảng, bến xếp dỡ để đảm bảo lịch sà lan, năng suất, chất lượng xếp dỡ hàng hóa cho khách hàng tốt nhất; Chuẩn bị nguồn hàng cho việc xây dựng - khai thác bến xếp dỡ của Công ty giai đoạn sau năm 2025.
- Tiếp tục phát triển kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng hóa khác; Thu thập thông tin, điều tra thị trường mở rộng mặt hàng và phạm vi kinh doanh, từng bước chuẩn bị cho việc tổ chức tiêu thụ vật liệu xây dựng, xi măng sau năm 2025.
- Phát triển kinh doanh dịch vụ logistics (Đại lý tàu biển, Đại lý hàng hóa; Giao nhận vận chuyển, Thông quan hàng hóa);
- Chăm sóc khách hàng; nghiên cứu phát triển thị trường, thị phần kinh doanh; Phát triển kinh doanh theo nguyên tắc: khách hàng, đối tác là người mang công việc và doanh thu cho Công ty; chăm sóc sức khỏe kinh doanh cho khách hàng là củng cố sức khỏe kinh doanh cho Công ty; Tính toán lợi ích trên cả chuỗi dịch vụ, cả hệ thống; gia tăng lợi ích so với phương án kinh doanh trước đây bằng giải pháp tổ chức quản lý đồng bộ, chặt chẽ, điều hành kinh doanh, tiết giảm chi phí. Từ đó đảm bảo thị trường, thị phần lớn mạnh ổn định; quan hệ với khách hàng, đối tác, người lao động trong Công ty hòa hợp, nhân văn.

➤ Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề kinh doanh mới; Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và điều hành.

Như vậy với chiến lược phát triển nêu trên của Công ty Logistics Vicem thực sự thúc đẩy sự tăng trưởng về quy mô kinh doanh về hiệu quả kinh doanh với tốc độ cao; tăng năng suất lao động, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty trong tương lai.

4. Các rủi ro

Công ty CP Logistics Vicem nhận thấy đang đối mặt với không ít thách thức trong hành trình kinh doanh trong năm 2024. Trước hết, giá xăng dầu tăng cao và biến động khó đoán, dự kiến kéo dài sang năm 2025 do tình hình địa chính trị phức tạp và nguồn cung giảm, khiến chi phí vận hành bị đội lên, trong khi việc điều chỉnh giá cước chưa thể theo kịp, ảnh hưởng đến lợi nhuận. Đồng thời, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các doanh nghiệp vận tải khác, đặc biệt khi một số khách hàng lớn tự xây dựng đội phương tiện riêng, khiến việc giữ vững thị phần trở nên khó khăn hơn. Hơn nữa, sự phụ thuộc vào ngành vật liệu xây dựng – vốn đang chậm lại do thị trường bất động sản và kinh tế vĩ mô chưa phục hồi – cũng tạo áp lực không nhỏ lên doanh thu của Công ty. Vì vậy trong năm 2024, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực linh hoạt hơn trong đầu tư, tìm kiếm thêm nguồn hàng mới và nâng cao chất lượng dịch vụ đang được thực hiện để thích nghi và phát triển bền vững trong tương lai.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật năm 2024

- Năm 2024, tình hình thế giới biến động phức tạp, nhanh và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thế giới có xu hướng hồi phục rất chậm.

- Giá xăng dầu trong năm có xu hướng tăng, biến động mạnh làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động vận tải của Công ty, làm tăng chi phí vận tải do chi phí xăng dầu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí.

- Trên thị trường vận tải một số đơn vị đã tái cấu trúc, đầu tư mới phương tiện vận chuyển định hình trên từng tuyến với khối lượng vận chuyển tối đa, từ đó giảm chi phí vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh và sẵn sàng hạ giá vận chuyển để tăng thị phần vận chuyển. Gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận tải nói chung và đặc biệt là sự cạnh tranh giữa doanh nghiệp vận tải Nhà nước và doanh nghiệp vận tải tư nhân.

- Hiện tại, Công ty còn thiếu các vị trí làm kho bãi lưu trữ hàng hóa và bến cảng bốc xếp nên chưa hình thành được chuỗi Logistics theo định hướng phát triển của VICEM, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn, thiếu tính cạnh tranh và phụ thuộc vào các

đối tác khách hàng thuê dịch vụ, chưa chủ động được nguồn hàng vận chuyển, chưa tối ưu hóa được tải trọng và doanh thu.

- Sản xuất kinh doanh trên thị trường không sôi động, các đơn vị sản xuất, đầu tư xây dựng phải ngừng hoạt động hoặc giảm sản lượng, vì vậy hoạt động vận chuyển hàng hóa giảm. Dưới áp lực cạnh tranh và khan hiếm hàng kéo dài các đơn vị vận tải buộc phải giảm giá cước vận chuyển xuống rất sâu dưới mức hòa vốn để duy trì hoạt động, làm tăng sự cạnh tranh nguồn hàng và giá cước với Công ty.

- Trong năm 2024 mức tiêu thụ xi măng trong nước giảm bởi thị trường bất động sản vẫn chưa hồi phục, xây dựng dân dụng phục hồi chậm, các công trình, dự án chậm triển khai, nên xi măng không tăng lượng tiêu thụ... Do tình hình tiêu thụ VLXD chậm nên dẫn đến sản lượng vận chuyển clinker, than và các nguyên vật liệu khác đi các trạm nghiền xi măng thấp và tốc độ bốc dỡ nguyên vật liệu dùng cho sản xuất cũng chậm tại các đầu bến, làm kéo dài thời gian quay vòng phương tiện của công ty.

- Đội ngũ phương tiện sà lan của Công ty đã cũ, tuổi phương tiện trung bình cao dẫn đến hiệu quả khai thác giảm (chi phí sửa chữa tăng, thời gian hoạt động giảm)

- Tính đến cuối năm 2024, đoàn phương tiện Công ty sở hữu sẽ chỉ còn với số lượng 35 sà lan tương đương với 53.638 tấn tải trọng phương tiện có độ tuổi trung bình lớn, nhiều nhóm sà lan có đội tuổi trung bình từ 14 đến 17 năm bị lạc hậu nhiều về tải trọng, kỹ thuật phương tiện... dẫn đến chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên của Công ty tăng cao qua các năm, làm giảm hiệu quả hoạt động SXKD.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2024 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty trong năm 2024.
- Trên tinh thần luôn phấn đấu hoàn thành đạt mức cao nhất cho kế hoạch đặt ra, Công ty sẽ rà soát lại toàn bộ chi phí để tiết giảm tối đa, tăng hiệu quả hoạt động SXKD; Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tốt vòng quay phương tiện tối ưu nhất, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Logistics Vicem, tăng doanh thu và đảm bảo tính mạng và đời sống CB-CNV.
- Tiếp tục mở rộng thị phần, khai thác thị trường hàng hóa mới, các loại mặt hàng mới dựa trên đội tàu của Công ty và các đơn vị vệ tinh để nâng lực vận chuyển cao, tổ chức tốt hoạt động vận chuyển, đáp ứng được đa dạng mặt hàng, tuyến đường vận chuyển,
- Tiếp tục giữ vững thị phần mặt hàng sắt thép nhập, xuất khẩu đang khai thác hiệu quả. Giữ vững uy tín và độ hiện diện của phương tiện Công ty trên các tuyến vận chuyển.

➤ Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống đảm bảo giữ uy tín, chất lượng dịch vụ và tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Logistics Vicem, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

➤ Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

➤ Nâng cao, khai thác hiệu quả hoạt động dịch vụ của mảng vận tải biển, vận tải bộ, bốc dỡ hàng hóa.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024

Thuận lợi:

- Chính phủ tiếp tục các giải pháp trọng tâm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế; đồng thời định hướng tập trung các giải pháp, chính sách cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

- Công ty CP Logistics Vicem (Logistics Vicem/công ty) luôn nhận được sự hỗ trợ rất lớn và kịp thời từ Tổng Công ty Xi măng Việt Nam cũng như các Công ty thành viên.

- Công ty có thương hiệu uy tín, năng lực vận chuyển cao và khả năng huy động nhà thầu phụ tương đối tốt, có mối quan hệ tốt, hợp tác vận chuyển hàng hóa với nhiều khách hàng lớn trong và ngoài VICEM. Do đó Công ty tiếp tục được nhiều chủ hàng mới tin tưởng giao thực hiện vận chuyển hàng hóa, tăng sức cạnh tranh, nâng cao vị thế trên thị trường, thường xuyên đảm nhận giải phóng những nguồn hàng lớn.

Khó khăn:

➤ Sản xuất kinh doanh trên thị trường không sôi động, các đơn vị sản xuất, đầu tư xây dựng phải ngừng hoạt động hoặc giảm sản lượng. Vì vậy hoạt động vận chuyển hàng hóa giảm. Dưới áp lực cạnh tranh và khan hiếm hàng kéo dài các đơn vị vận tải buộc phải giảm giá cước vận chuyển xuống rất sâu dưới mức hòa vốn để duy trì hoạt động, làm tăng sự cạnh tranh nguồn hàng và giá cước với Công ty;

➤ Thị trường tôn sắt thép đang gặp nhiều khó khăn do biến động về giá và năng suất tiêu thụ thấp do đó các nhà máy đã giảm sản lượng sản xuất kéo theo giảm nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất nên doanh thu vận chuyển hàng tôn cuộn sắt thép giảm sâu;

➤ Trong năm 2024 mức tiêu thụ xi măng trong nước giảm bởi thị trường bất động sản vẫn chưa hồi phục, xây dựng dân dụng phục hồi chậm, các công trình, dự án chậm triển khai, nên xi măng không tăng lượng tiêu thụ... Do tình hình tiêu thụ VLXD chậm nên dẫn đến sản lượng vận chuyển clinker, than và các nguyên vật liệu khác đi các trạm nghiền xi măng thấp và tốc độ bốc dỡ nguyên vật liệu dùng cho sản xuất cũng chậm tại các đầu bến, làm kéo dài thời gian quay vòng phương tiện của công ty.

➤ Giá xăng dầu trong năm 2024 biến động mạnh đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động vận tải của HTV, làm tăng chi phí vận hành của ngành vận tải do giá xăng dầu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành vận tải; giá cước vận chuyển của HTV có biên độ tăng không tương xứng được với biên độ tăng giá của nhiên liệu trên thị trường.

➤ Một số chủ hàng lớn đã tự đầu tư phương tiện vận tải thủy nội địa và cả phương tiện vận tải biển để phục vụ cho chính dịch vụ cung cấp, mua bán hàng hóa của mình, việc này đã làm tăng cao sự cạnh tranh về giảm giá cước vận chuyển, làm giảm lượng hàng vận chuyển và tăng sự cạnh tranh về nguồn hàng vận chuyển trên thị trường trong năm 2024.

➤ Công ty còn thiếu các vị trí làm kho bãi lưu trữ hàng hóa và bến cảng bốc xếp nên chưa hình thành được chuỗi Logistics theo định hướng phát triển của VICEM, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn, thiếu tính cạnh tranh và phụ thuộc vào các đối tác khách hàng thuê dịch vụ, chưa chủ động được nguồn hàng vận chuyển, chưa tối ưu hóa được tải trọng và doanh thu.

➤ Đội ngũ phương tiện sà lan của Công ty đã cũ, tuổi phương tiện trung bình cao dẫn đến hiệu quả khai thác giảm (chi phí sửa chữa tăng, thời gian hoạt động giảm).

➤ Tính đến cuối năm 2024, đoàn phương tiện Công ty sở hữu sẽ chỉ còn với số lượng 35 sà lan tương đương với 53.638 tấn tải trọng phương tiện có độ tuổi trung bình lớn, nhiều nhóm sà lan có độ tuổi trung bình từ 14 đến 17 năm bị lạc hậu nhiều về tải trọng, kỹ thuật phương tiện... dẫn đến chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên của Công ty tăng cao qua các năm, làm giảm hiệu quả hoạt động SXKD.

➤ Các Chi cục đăng kiểm đều tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình đăng kiểm sửa chữa trên đà, làm tăng chi phí và thời gian sửa chữa sà lan, do đó làm giảm vòng quay phương tiện, giảm doanh thu khai thác của công ty.

Năm 2024, Công ty mẹ đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2024	TH NĂM 2024	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	343.681	278.277	81%
2	LN gộp từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	34.264	27.310	80%
3	LN từ hoạt động khác (bao gồm cả LN từ HĐ tài chính)	Triệu đồng	7.282	16.403	225%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.398	11.675	102%
5	Thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	2.693	2.715	101%
6	Thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.705	8.960	103%
8	Chi trả cổ tức	%	≥ 3%	-	-

(Về việc chi trả cổ tức năm 2024, Công ty đang chờ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025).

3. Định hướng nhiệm vụ năm 2025

- Dự báo năm 2025, tình hình thế giới dự báo vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại.

- Nhận định năm 2025 nền kinh tế Việt Nam là một năm thời cơ và thách thức đan xen. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động tiêu cực từ bên ngoài do kinh tế thế giới vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Chúng ta có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

- Nhìn chung, xu hướng tăng của giá dầu thế giới trong năm 2024, dự báo giá dầu sẽ vẫn tiếp tục tăng trong năm 2025. Nguyên nhân do giảm nguồn cung và do chiến tranh xảy ra tại một số quốc gia trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu kết thúc. Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, nếu giá xăng, dầu tăng 10% thì GDP sẽ giảm 0,5%. Mức tăng giá xăng, dầu hiện nay tác động khá lớn đến các ngành nghề sử dụng nhiều nguyên liệu này như ngành vận tải, tạo áp lực làm tăng chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

- Trên thị trường vận tải một số đơn vị đã tái cấu trúc, đầu tư mới phương tiện vận chuyển định hình trên từng tuyến với khối lượng vận chuyển tối đa, từ đó giảm chi phí vận chuyển, tăng khả năng cạnh tranh và sẵn sàng hạ giá vận chuyển để tăng thị phần vận chuyển.

- Đối với Logistics Vicem, do hoạt động chính trong ngành vận tải kho bãi nên hoạt động SXKD hầu như lệ thuộc hoàn toàn vào ngành công nghiệp sản xuất, trong đó phần lớn là phục vụ vận chuyển cho các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng. Các nhóm hàng lớn Logistics Vicem đang thực hiện vận chuyển như than, sắt, thép... tình hình tiêu thụ chưa có tăng trưởng khả quan làm ảnh hưởng tới sản lượng và doanh thu vận chuyển của Công ty.

Trên đây là những yếu tố cơ bản sẽ ảnh hưởng, tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2025.

Trước những thách thức và cơ hội mới, Công ty Cổ phần Logistics Vicem đã có những chuẩn bị nghiêm túc, chu đáo, xác định chi tiết, rõ ràng những nhiệm vụ thiết yếu cho năm 2025 và cam kết phát huy tính năng động trong năm bắt thời cơ thuận lợi, nỗ lực khắc phục các khó khăn trong thực tiễn để hoàn thành triệt để các nhiệm vụ phát triển được đề ra trong năm 2025, cụ thể:

- Mở rộng kinh doanh, bổ sung, mở rộng ngành nghề kinh doanh đa ngành gồm vận tải thủy nội địa; vận tải bộ; xếp dỡ trung chuyển hàng hóa bến phao đường biển, bến thủy nội địa và dịch vụ trong chuỗi logistics hàng xi măng.... Đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty, thích ứng tốt hơn với sự suy giảm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và thế giới, nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Phấn đấu trở thành một Công ty quản lý vận tải đa lĩnh vực trong ngành Vận tải.

- Tiếp tục là công ty đại chúng, có cơ cấu cổ đông hợp lý, vốn hóa cao, niềm yết trên thị trường chứng khoán, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu, có thương hiệu uy tín, hệ thống quản trị tiên tiến, có cổ phiếu giá trị và cổ tức cao. Nâng cao trình độ chuyên nghiệp quản lý tài chính, quản lý kinh doanh và chất lượng phục vụ thông

qua xây dựng, phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.

- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thuỷ một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan cũ, không phù hợp và đầu tư đóng mới một số sà lan có tải trọng lớn để tăng năng lực vận chuyển phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài.

- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, Công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện tối ưu để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các móm nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty.

- Đẩy mạnh mở rộng, phát triển dịch vụ Logistics, bốc xếp, thuê mướn kho bãi, bến cảng,...

- Hoàn thiện công tác quản trị nhân sự - tiền lương; lựa chọn hình thức tuyển dụng thích hợp, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động của Công ty, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.

- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.

Như vậy, dự báo trong năm 2025 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

Kết quả tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	131.040	131.040
2	Sản lượng	Tấn	5.281.024	5.072.504
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	320.996	295.409
4	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	278.186	250.967
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.788	12.145
6	Thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	2.551	2.859
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.236	9.286

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
8	LN trước thuế/DT thuần	%	3,60	4,36
9	LN trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,32	3,67
10	LN trước thuế/Tổng tài sản	%	2,65	3,06
11	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	89,68	92,43
12	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	10,32	7,57
13	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	20,20	16,58
14	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,80	83,42
15	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	25,32	19,88
16	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	4,4	5,5

Năm 2024 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đảm bảo tính hiệu quả và an toàn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty thống nhất xây dựng mục tiêu về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của công ty mẹ, như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	so với năm 2024 (%)
I	Mục tiêu sản lượng				
1	Mục tiêu sản lượng vận chuyển và các dịch vụ khác	Tấn	5.072.504	5.182.680	102%
II	Mục tiêu tài chính				
2	Mục tiêu doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	295.409	319.059	108%
3	Mục tiêu lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.145	12.239	100%

(Ghi chú: Số liệu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 chỉ mang tính chất dự kiến và sẽ được công bố thông tin khi ĐHCĐ phê duyệt).

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty CP Logistics Vicem nhận thấy trách nhiệm bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững, như được nhấn mạnh trong phần "Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội". Trong năm 2024, việc thanh lý các sà lan cũ có mức khí thải cao và đóng mới sà lan với động cơ hiện đại đạt tiêu chuẩn khí thải của Cục Đăng kiểm đã được thực hiện nhằm giảm tác động xấu đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát định kỳ các phương tiện cũng được tăng cường để đảm bảo hoạt động ổn định, hạn chế rủi ro ô nhiễm. Tuy nhiên, với đội sà lan còn lại vẫn có tuổi đời khá cao, áp lực cải thiện chỉ tiêu môi trường vẫn hiện hữu, đòi hỏi đầu tư dài hạn hơn để đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe trong tương lai.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Vấn đề người lao động tại Công ty CP Logistics Vicem được phản ánh rõ qua phần "Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động". Năm 2024, số lao động bình quân giảm còn 224 người, tức giảm 48 người so với năm 2023, cho thấy sự tinh gọn trong cơ cấu nhân sự. Chính sách lương thưởng được áp dụng theo chức danh và hiệu quả kinh doanh, đảm bảo chi trả đầy đủ, đúng hạn theo quy định pháp luật. Các chế độ phúc lợi như trợ cấp khó khăn, thăm hỏi ốm đau và đào tạo nâng cao nghiệp vụ cũng được duy trì, dù việc tổ chức đào tạo còn phụ thuộc vào tình hình thực tế. Dù vậy, với áp lực cạnh tranh và chi phí tăng, việc cân bằng giữa đảm bảo đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh vẫn là thách thức cần giải quyết trong thời gian tới.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương được Công ty CP Logistics Vicem ghi nhận trong mục tiêu "đóng góp tích cực cho cộng đồng" ở phần "Định hướng phát triển". Hoạt động kinh doanh không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn hướng đến tạo việc làm và giá trị kinh tế cho khu vực, đặc biệt tại TP. Hồ Chí Minh và các tuyến vận tải phía Nam. Các chính sách bảo vệ môi trường như giảm khí thải từ phương tiện cũng gián tiếp hỗ trợ cải thiện chất lượng sống cho cộng đồng xung quanh. Tuy nhiên, báo cáo chưa đề cập cụ thể đến các hoạt động hỗ trợ trực tiếp như từ thiện hay phát triển hạ tầng địa phương, cho thấy tiềm năng mở rộng cam kết này vẫn còn lớn để gia tăng sự gắn kết và đóng góp thiết thực hơn trong tương lai.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành:

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2024 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Do BCTC kiểm toán 2024 là ý kiến chấp nhận toàn phần nên Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Tổng Công ty Xi Măng Việt Nam nắm giữ 65.623.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% /vốn điều lệ Công ty.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức: HTV góp vốn 65%, tương đương 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng chẵn).
- Chi tiết thêm ở mục 7. Thuyết minh báo cáo tài chính.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

- + Đại hội đồng cổ đông.
- + Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát.
- + Ban Tổng Giám đốc.

• Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

• **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & Hội đồng Quản trị.

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Logistics Vicem.

• **Hội đồng Quản trị** gồm các thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện trong quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2024, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và 06 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

• **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.

- Trình bày báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Logistics Vicem.
- Nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.
- **Tổng Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.
 - Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 - Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
 - Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm.
 - Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.
 - Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước.
 - Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- **Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty; Phụ trách đội vận tải thủy, kỹ thuật, công tác phòng cháy chữa cháy, quân sự an ninh, quốc phòng và các mặt công tác khác, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.
- **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

❖ Tóm tắt lý lịch các thành viên Người điều hành doanh nghiệp

1.1. Ông ĐỖ VĂN HUÂN, Tổng Giám đốc, kể từ ngày 04/01/2019.

- Sinh ngày: 08/04/1981.
- Địa chỉ: 1/2/28 Đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp HCM.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển – Thạc sĩ tổ chức quản lý vận tải.

1.2. Ông ĐÀM MINH TIẾN, Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày 19/10/1965.
- Địa chỉ: 12 đường 8, Khu phố 4, P. Linh Chiểu, Tp Thủ Đức, Tp HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.

- (Quyết định bổ nhiệm từ ngày 14/01/2022).

1.3. Ông PHẠM BÁ TRUNG, Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 10/8/1984.

- Địa chỉ: 156 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.

- (Quyết định bổ nhiệm ngày 20/7/2022).

1.4. Bà PHẠM THỊ NGỌC, Kế toán trưởng

- Sinh ngày: 13/02/1983.

- Địa chỉ: Chung cư 17,3 ha, P. An Khánh, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- (Quyết định bổ nhiệm ngày 23/6/2022).

❖ **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc năm 2024 và Kế toán trưởng**

TT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Quyền lợi Ban TGD (đ)	Ghi chú
1	Đỗ Văn Huân	TGD	704.944.941	
2	Đàm Minh Tiến	PTGD	376.150.895	Bổ nhiệm từ 14/01/2022
3	Phạm Bá Trung	PTGD	376.150.895	Bổ nhiệm từ 20/7/2022
4	Phạm Thị Ngọc	Kế toán trưởng	333.735.084	Bổ nhiệm từ 23/6/2022
CỘNG			1.790.981.815	

❖ **Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động**

Lao động bình quân trong năm 2024 là 224 người, giảm 48 người so với năm 2023.

Trong đó, chia ra:

- Gián tiếp: 40 người, chiếm tỷ lệ 18%.
- Trực tiếp: 184 người, chiếm tỷ lệ 82%.

Trong đó, chia ra:

- Trên đại học: 05 người, chiếm tỷ lệ 2%.
- Đại học và Cao đẳng: 25 người, chiếm tỷ lệ 11%.
- Trung học chuyên nghiệp: 05 người, chiếm tỷ lệ 2%.
- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông: 189 người, chiếm tỷ lệ 85%.

❖ **Các chính sách đối với người lao động:**

➤ **Chính sách tiền lương**

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ **Chính sách tiền thưởng**

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở theo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: trợ cấp cho CB-CNV có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

➤ **Chính sách đào tạo:** Tùy tình hình thực tế trong năm, Công ty sẽ tiến hành cho CB - CNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các bộ phận/đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công việc cho người lao động, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc, việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp phải quan tâm tới môi trường, hệ sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, HTV có một số biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh của HTV trong mắt khách hàng nội địa và hướng tới những đối tác nước ngoài:

- Thanh lý những sà lan cũ, trọng tải thấp, thải nhiều khí thải độc hại ra môi trường sống xung quanh.
- Đóng mới sà lan, sử dụng động cơ mới 100% với các chỉ tiêu đáp ứng tốt yêu cầu về khí thải theo các tiêu chuẩn của cục đăng kiểm.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các sà lan Công ty, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sà lan lỗi kỹ thuật, máy móc đảm bảo sà lan luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát

❖ **Thành phần Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:**

1	Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch HĐQT, kể từ ngày 12/5/2022
2	Ông Đỗ Văn Huân	Phụ trách HĐQT từ ngày 01/01/2022 đến 12/5/2022, từ 13/5/2022 là Thành viên HĐQT kiêm TGD (TGD từ ngày 04/01/2019)
3	Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019
4	Ông Hồ Sĩ An	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019

5	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019
---	---------------------	--

❖ **Ban Kiểm soát gồm:**

1	Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban, Thành viên kể từ ngày 25/06/2021
2	Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
3	Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên kể từ ngày 12/5/2022

❖ **Tóm tắt lý lịch Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Huân – Tổng Giám đốc từ ngày 04/01/2019

Giới tính: Nam.

Ngày, tháng năm sinh: 08/4/1981.

Nơi sinh: Thái Bình.

Số CMND: 151291700 cấp ngày 04/03/2014 tại Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ thường trú: 1/2/28 đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp HCM.

- Từ năm 2008 đến năm 2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.

- Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.

- Từ năm 2010 đến năm 2011: Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines HCM.

- Từ năm 2011 đến năm 2012: Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.

- Từ 20/4/2012 đến 31/01/2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

- Từ 01/02/2013 đến 21/3/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

- Từ ngày 22/3/2013 đến 03/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 03/2016 đến 23/4/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Logistics Vicem.



- Từ 23/4/2018 -30/9/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức Phó TGD Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Quyền TGD Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 04/01/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Logistics Vicem.

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 28/02/2023

➤ Cá nhân sở hữu: 2.600 cp chiếm tỷ lệ 0,0198% /VĐL

➤ Đại diện vốn của VICEM: 1.640.600 cp chiếm tỷ lệ 12,52%/VĐL

4. Thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty trong năm 2024 được tổng hợp như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)
- Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch HĐQT	72.000.000
- Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Ủy viên HĐQT	48.000.000
- Ông Đỗ Văn Huân	Ủy viên HĐQT	48.000.000
- Ông Hồ Sĩ An	Ủy viên HĐQT	48.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên HĐQT	48.000.000
- Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng BKS	48.000.000
- Bà Nguyễn Thị Huệ	Ủy Viên BKS	36.000.000
- Bà Phạm Thị Thái Hà	Ủy Viên BKS	36.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu	Thư ký Công ty	36.000.000
TỔNG CỘNG		420.000.000

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: được trình bày chi tiết tại Phần Thuyết minh BCTC kiểm toán 2024 của Công ty

5. Cơ cấu vốn cổ đông.

- Cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

B. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.101.766.634	365.451.508.786
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	34.544.484.237	7.164.400.216
1. Tiền	111		17.357.996.566	7.164.400.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.186.487.671	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		194.841.267.560	199.006.832.745
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	194.841.267.560	199.006.832.745
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.437.739.094	158.099.225.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	130.596.147.978	156.235.368.896
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		533.381.678	603.977.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	6.380.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.817.979.296	6.818.593.108
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.889.769.858)	(5.558.713.736)
IV. Hàng tồn kho	140		2.733.429.705	1.173.219.802
1. Hàng tồn kho	141	4.7	2.733.429.705	1.173.219.802
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		544.846.038	7.830.755
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		544.846.038	7.830.755
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.053.972.417	42.056.108.765
I. Tài sản cố định	220		30.053.972.417	42.056.108.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	30.053.972.417	42.056.108.765
Nguyên giá	222		236.716.424.631	249.202.786.687
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.662.452.214)	(207.146.677.922)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		397.155.739.051	407.507.617.551
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.849.156.217	82.322.473.466
I. Nợ ngắn hạn	310		65.849.156.217	82.322.473.466
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	45.915.687.851	49.865.581.895
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	127.753.961
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.553.885.467	1.711.514.735
4. Phải trả người lao động	314	4.11	14.809.801.897	21.649.226.025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		353.536.133	4.146.484.233
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.003.528.634	865.759.844
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	2.212.716.235	3.956.152.773
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		331.306.582.834	325.185.144.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	331.306.582.834	325.185.144.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	127.245.045.585
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.553.972.541	12.086.663.279
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.382.067.789	4.072.418.474
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.171.904.752	8.014.244.805
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.396.781.376	1.742.651.889
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		397.155.739.051	407.507.617.551

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	278.276.936.599	299.744.800.357
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278.276.936.599	299.744.800.357
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	250.966.532.641	278.185.666.552
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.310.403.958	21.559.133.805
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.918.598.512	14.730.108.262
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	31.940.526.700	30.913.185.442
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.288.475.770	5.376.056.625
8. Thu nhập khác	31	5.5	7.213.201.755	6.521.400.552
9. Chi phí khác	32		356.288.738	1.109.732.905
10. Lợi nhuận khác	40		6.856.913.017	5.411.667.647
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.145.388.787	10.787.724.272
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.859.354.548	2.551.273.988
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.286.034.239	8.236.450.284
14. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.171.904.752	8.014.244.805
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		114.129.487	222.205.479
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	700	171
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.3	700	171

D. BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế				
2. Điều chỉnh cho các khoản:	01		12.145.388.787	10.787.724.272
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	12.052.984.833	13.472.794.199
Các khoản dự phòng	03		1.331.056.122	3.497.961.429
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.276.671.771)	(20.468.460.114)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.252.757.971	7.290.019.786
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.898.732.472	7.468.982.129
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.560.209.903)	351.529.781
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(14.884.483.177)	(18.813.104.055)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.704.752.937)	(2.292.753.374)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	30.880.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.516.832.028)	(8.078.185.578)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.485.212.398	(14.042.631.311)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ				
1. và các tài sản dài hạn khác				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.848.485)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	22		6.358.073.259	5.738.351.852
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(334.469.222.998)	(271.486.236.838)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24		332.254.788.183	271.464.768.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27		12.193.280.809	12.816.152.851
	30		16.286.070.768	18.533.036.753
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.540.000.000	50.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.931.199.145)	(7.854.988.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.608.800.855	(7.804.988.290)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		27.380.084.021	(3.314.582.848)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.164.400.216	10.478.983.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	34.544.484.237	7.164.400.216

E. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa từ Xi nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (tên cũ: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 12 năm 2021 để thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2024 là 190 (31/12/2023: 243).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở).
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở).
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi).
 - Thoát nước và xử lý nước thải.
 - Thu gom rác thải không độc hại.
 - Thu gom rác thải độc hại.
 - Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
 - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	Tầng 35, Tòa nhà The Nexus, 3a-3B Tôn Đức Thắng, P Bến Nghé, Quận 1,	65,00%	65,00%

động sản Trường Thọ Thủ Đức	chủ sử dụng hoặc đi thuê	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		
-----------------------------------	-----------------------------	--------------------------	--	--

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các

khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá trị ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 10 năm.
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 08 năm.

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích

kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	128.447.486	608.403.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.229.549.080	6.555.997.002
Các khoản tương đương tiền (*)	17.186.487.671	
Cộng	34.544.484.2387	7.164.400.216

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn, lãi suất 4,40%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng tại ngày 31/12/2024.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	80.014.843.339	96.991.892.767
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	13.864.262.836	20.791.738.792
Các khách hàng khác (*)	36.717.041.803	38.451.737.337
Cộng	130.596.147.978	156.235.368.896

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu về cho vay

Là khoản cho vay với Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo Hợp đồng vay số 01/2024/HĐV ngày 31 tháng 08 năm 2024, chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 6.380.000.000VND
- Thời hạn cho vay: 12 tháng
- Lãi suất: 5,0%/năm
- Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 7		-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Lãi dự thu	2.274.692.757	-	4.656.873.684	-
Ký cược, ký quỹ		-	718.978.667	-
Phải thu từ bồi thường	525.000.000	-	1.307.841.000	-
Phải thu người lao động	532.705.000	-	134.899.757	-
Phải thu lãi cho vay	107.498.630		-	
Phải thu khác	378.082.909		-	
Cộng	3.817.979.296	-	6.818.593.108	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.052.986.596	3.163.216.738	10.076.912.961	4.518.199.225

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	1.816.597.568	534.406.612	Từ 02 đến dưới 03 năm	1.966.597.568	946.250.345	Từ 01 đến dưới 03 năm
Các khách hàng khác	7.257.087.028	2.628.810.126	Từ 01 năm đến dưới 03 năm	7.131.013.393	3.571.948.880	Từ 06 tháng đến dưới 02 năm
Cộng	10.052.986.596	3.163.216.738		10.076.912.961	4.518.199.225	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.610.010.204	-	939.739.051	-
Công cụ, dụng cụ	123.419.501	-	233.480.751	-
Cộng	2.733.429.705	-	1.173.219.802	-

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	2.203.932.585	241.441.935.685	5.556.918.417	249.202.786.687
Mua trong năm			50.848.485	50.848.485
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.537.210.541)	-	(12.537.210.541)
Tại ngày 31/12/2024	2.203.932.585	228.904.725.144	5.607.766.902	236.716.424.631
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	2.203.932.585	200.782.223.920	4.160.521.417	207.146.677.922
Khấu hao trong năm	-	11.435.723.724	617.261.109	12.052.984.833
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.537.210.541)	-	(12.537.210.541)
Tại ngày 31/12/2024	2.203.932.585	199.680.737.103	4.777.782.526	206.662.452.214
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	-	40.659.711.765	1.396.397.000	42.056.108.765
Tại ngày 31/12/2024	-	29.223.988.041	829.984.376	30.053.972.417

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 118.763.836.626 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	285.012.971	285.012.971	362.706.909	362.706.909
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	11.641.253.117	11.641.253.117	21.211.528.878	21.211.528.878
Công ty Cổ phần HCM Logistics	10.633.035.473	10.633.035.473	2.488.152.194	2.488.152.194
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	23.356.386.290	23.356.386.290	25.803.193.914	25.803.193.914
Cộng	45.915.687.851	45.915.687.851	49.865.581.895	49.865.581.895

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	23.639.568.253	(6.187.616.261)	32.295.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.306.505.317	2.859.354.548	(2.704.752.937)	1.151.903.706
Thuế thu nhập cá nhân	247.380.150	2.731.104.266	(3.011.039.248)	527.315.132
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.634.015.554	(1.634.015.554)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	1.553.885.467	30.867.042.621	(13.540.424.000)	1.711.514.735

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2024.

4.12. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	3.956.152.773	2.631.386.056
Trích lập trong năm	5.773.395.490	9.372.072.295
Tăng khác		30.880.000
Sử dụng trong năm	(7.516.832.028)	(8.078.185.578)
Số dư cuối năm	2.212.716.235	3.956.152.773

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2023	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	21.306.890.769	1.470.446.410	334.133.166.096	
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.014.244.805	222.205.479	8.236.450.284	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.372.072.295)	-	(9.372.072.295)	
Chia cổ tức	-	-	-	(7.862.400.000)	-	(7.862.400.000)	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	50.000.000	50.000.000	
Tại ngày 01/01/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	12.086.663.279	1.742.651.889	325.185.144.085	
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.171.904.752	114.129.487	9.286.034.239	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.773.395.490)	-	(5.773.395.490)	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.931.200.000)	-	(3.931.200.000)	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	6.540.000.000	6.540.000.000	
Tại ngày 31/12/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	11.553.972.541	8.396.781.376	331.306.582.834	

Việc phân phối lợi nhuận năm 2024 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 67/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024.

4.13.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.171.904.752	8.014.244.805
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(5.773.395.490)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.171.904.752	2.240.849.315
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	700	171

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2024. Nếu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chỉ tiêu “lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu suy giảm tương ứng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	239.605.952.798	253.868.993.571
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	33.323.536.169	33.613.176.872
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	3.610.333.966	8.341.975.124
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.737.113.666	3.920.654.790
Cộng	278.276.936.599	299.744.800.357
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	127.709.044.657	140.602.497.840

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	220.067.925.328	247.682.505.442

Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.898.607.313	30.503.161.110
Cộng	250.966.532.641	278.185.666.552

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.811.099.882	14.730.108.262
Lãi cho vay	107.498.630	-
Cộng	9.918.598.512	14.730.108.262

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.019.871.553	14.270.544.948
Chi phí vật liệu quản lý	809.051.706	474.186.730
Chi phí đồ dùng văn phòng	479.972.662	653.604.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.261.109	626.155.510
Thuế phí, lệ phí	3.241.717.726	3.387.844.352
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.331.056.122	3.497.961.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.550.804.883	1.688.515.686
Chi phí khác bằng tiền	6.890.790.939	6.314.372.149
Cộng	31.940.526.700	30.913.185.442

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.358.073.259	5.738.351.852
Thu nhập khác	855.128.496	783.048.700
Cộng	7.213.201.755	6.521.400.552

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.755.340.737	32.615.916.216
Chi phí nhân công	62.141.527.634	73.913.758.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.052.984.833	13.472.794.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.734.600.246	175.362.272.434
Chi phí khác bằng tiền	13.222.605.891	13.734.110.968
Cộng	282.907.059.341	309.098.851.994

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	12.145.388.787	10.787.724.272
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.151.383.953	1.968.645.666
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.296.772.740	12.756.369.938
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.859.354.548	2.551.273.988

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (“Tổng Công ty”)	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty có cùng Cty mẹ
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Cty mẹ
5. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng Cty mẹ
6. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	75.426.003.617	91.139.375.183
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.588.839.722	4.938.839.722
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	-	913.677.862
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	80.014.843.339	96.991.892.767
Phải trả người bán ngắn hạn- xem thêm Mục 4.9		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	285.012.971	362.706.909

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
➤ Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	127.709.044.657	133.219.854.725
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem		7.382.643.115
Cộng – xem thêm Mục 5.1	127.709.044.657	140.602.497.840
➤ Mua dịch vụ:		
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1.391.739.335	1.498.724.002
➤ Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	1.968.708.300	3.937.416.600
Ông Đỗ Văn Huân	780.000	1.560.000
Cộng	1.969.488.300	3.938.976.600

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	72.000.000	72.000.000
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Cộng		264.000.000	264.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	704.944.941	706.260.000
Ông Đàm Minh Tiên	Phó Tổng Giám đốc	376.150.895	374.265.000
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc	376.150.895	372.342.272
Cộng		1.457.246.731	1.452.867.272

Thù lao của Ban kiểm soát công ty:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Cộng		120.000.000	120.000.000

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2023 VND	Năm 2023 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	171	612
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	171	612

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 67/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những năm tài chính sắp tới.